TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 5 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 116/2018/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Xuân T, sinh năm 1987 (*có mặt*)

Địa chỉ: Ấp TL A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp DT, xã VM, huyện HB, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn*: Anh Quách Văn U, sinh năm 1984 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp TL A, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Xuân T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh Quách Văn U tổ chức đám cưới vào năm 2007, không có đăng ký kết hôn.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống, vợ chồng xãy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên cải nhau vì bất đồng quan điểm, mặc dù gia đình hai bên cũng đã nhiều lần hàn gắn, nhưng không thành. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thương yêu nhau, hiện mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn trách nhiệm với ai. Vợ chồng đã ly thân gần 03 năm.

Nay chị T nhận thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị với anh U.

- *Về nuôi con chung*: Trong quá trình chung sống, chị T và anh U có 01 người con chung tên Quách Thảo N, sinh ngày 16/12/2007, hiện cháu N đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi cháo N, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con.

- *Về chia tài sản*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ người khác và người khác nợ lại*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T giữ nguyên quan điểm, không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Vụ kiện giữa nguyên đơn chị Trần Xuân T, bị đơn anh Quách Văn U là vụ kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh U, nhưng anh U không có ý kiến gì về nội dung khởi kiện của chị T. Tại phiên tòa, anh U vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. *Xét thấy*: Nội dung khởi kiện của chị T thì anh U đã biết, nhưng anh vẫn mặc nhiên, không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh U.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thủy về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng*: Vào năm 2007, chị T và anh U chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Như vậy, theo điểm c mục 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình, đồng thời theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh U không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, chị T và anh U không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[4] *Xét về nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy*: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì cháu N đã hơn 10 tuổi, hiện cháu đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, còn anh U không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T về nuôi con chung.

Xét thấy: Tại phiên tòa chị T xác định, hiện chị đảm bảo điều kiện nuôi dạy cháu N và cháu N đang sống với chị ổn định, có điều kiện phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và tâm sinh lý. Đồng thời, hiện cháu N cũng được chị T cho đi học như bao trẻ em khác cùng trang lứa. Mặt khác, theo

biên bản ghi nguyện vọng của cháu N ngày 27/4/2018 thì cháu xác định "*Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn với nhau thì nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ, bởi vì mẹ lo cho cháu nhiều hơn cha lo*". Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như tâm sinh lý của cháu N, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về nuôi con chung.

[5] *Xét về cấp dưỡng*: Chị T không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con, còn anh U không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Xét về chia tài sản và nợ*: Chị T xác định, chị và anh U không có tài sản chung, cũng như không có nợ người khác và người khác nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn anh U không có ý kiến gì đối với trình bày của chị T về chia tài sản và nợ. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] *Về án phí hôn nhân và gia đình*:

Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; Điều 35; Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 14; Điều 16; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Xuân T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận chị Trần Xuân T và anh Quách Văn U là vợ chồng.

2. *Về nuôi con chung*:

- Giao cháu Quách Thảo N, sinh ngày 16/12/2007 cho chị Trần Xuân T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Anh Quách Văn U không phải cấp dưỡng nuôi cháu Quách Thảo N.

- Anh Quách Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

Chị Trần Xuân T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ, ngày 21/3/2018 chị T có nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ, biên lai số 0009711 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*đã ký*)

Trương Minh Thịnh